ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM
BAN CHUYÊN ĐỀ - KHOA GIÁO
*
Số 199 - QĐ/BCĐKG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai đính chính nội dung số liệu dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030

- Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-THVN ngày 11/04/2026 của Tổng Giám đốc Đài THVN về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Chuyên đề - Khoa giáo;

- Căn cứ Luật NSNN số 89/2015/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội;

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Quyết định số 708-QĐ/ĐTHVN ngày 18/09/2026 của Tổng Giám đốc Đài THVN về giao bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 140-QĐ/BCĐKG ký ngày 24/09/2026 của Ban Chuyên đề - Khoa giáo về việc công bố công khai số liệu dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 813-QĐ/ĐTHVN ký ngày 12/10/2026 của Đài THVN về đính chính nội dung Quyết định số 708-QĐ/ĐTHVN ngày 18/9/2026 của Đài THVN về giao bổ sung dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

- Theo đề nghị của Phòng Tổng hợp,

TRƯỞNG BAN CHUYÊN ĐỀ - KHOA GIÁO

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai đính chính nội dung số liệu dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030. (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc, thời gian niêm yết ít nhất 90 ngày; Cổng thông tin điện tử của Đài Truyền hình Việt Nam (https://thvn.vn/).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Lãnh đạo Ban, Phòng Tổng hợp và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thời báo VTV (để công khai);
- Lưu VT, PTH.

TRƯỞNG BAN

BAN CHUYÊN ĐỀ KHOA GIÁO

Nguyễn Thu Hà

Mẫu biểu số 74

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 199-QĐ/BCĐKG ngày 17/ 11/2026 của Trưởng Ban Chuyên đề - Khoa giáo)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
III	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**3.040**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**3.040**
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**-**
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	

7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	***Đính chính nội dung Quyết định số 140-QĐ/BCĐKG ký ngày 24/09/2026, như sau:*** *- Nội dung tại mẫu biểu 74, mục chi sự nghiệp văn hóa thông tin (Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước): Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 (mã số chương trình mục tiêu: 0100; mã số tiểu chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công thuộc dự án thành phần của từng chương trình mục tiêu quốc gia: 3108); (loại 160 – khoản 171)* *- Nay đính chính thành: Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 (mã số chương trình mục tiêu: 0100; mã số tiểu chương trình, nhiệm vụ: 0124; mã số nhiệm vụ: 2124)*	*3.040*
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	

1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	